

ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG XÃ HỘI CỦA HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ LỚP 1 HỌC HÒA NHẬP

NGUYỄN VĂN HUNG*

Ngày nhận bài: 18/07/2016; ngày sửa chữa: 20/07/2016; ngày duyệt đăng: 22/07/2016.

Abstract: Recently, social skills education for students with intellectual disabilities has been interested by educators and requires frequent assessment on actual state of these skills to improve effectiveness. In this article, author mentions a survey on 50 students with intellectual disabilities grade 1 in inclusive classess and presents the results of social skills situation of these students which are considered as a foundation for teachers and educators to find out solutions to enhance education quality for disabled children.

Keywords: Social skills, assessment, student with intellectual disabilities.

1. Luật Người khuyết tật Việt Nam (2010) đã xác định giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật. Trong giáo dục hòa nhập cho học sinh (HS) khuyết tật, song song với việc trang bị kiến thức văn hóa, cần tập trung phát triển các phẩm chất năng lực và kĩ năng cho HS khuyết tật. Kĩ năng xã hội (KNXH) được xác định là một trong những nội dung giáo dục quan trọng; giúp HS khuyết tật nói chung, HS khuyết tật trí tuệ (KTTT) nói riêng thích ứng, hòa nhập tốt hơn với môi trường xã hội và phát triển bản thân trong môi trường xã hội.

Gần đây, một số công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã xây dựng được khung lí thuyết tương đối thuyết phục về vấn đề giáo dục KNXH cho HS (như của các nhà nghiên cứu: Elliott, Homer, Đặng Thành Hưng, Nguyễn Công Khanh, Tạ Thị Ngọc Thanh...). Các nghiên cứu đã làm sáng tỏ về bản chất, đặc trưng và hệ thống hóa các KNXH; tuy nhiên, vẫn chưa có nhiều các nghiên cứu về giáo dục KNXH cho HS KTTT.

Trong bối cảnh hiện nay, để giáo dục KNXH cho HS KTTT có hiệu quả, cần phải xác định được HS KTTT đó đang ở đâu trong “nấc thang” phát triển về KNXH; hay cụ thể hơn là thực trạng KNXH của HS KTTT đó đang ở mức độ nào, từ đó tìm ra được phương thức hữu hiệu nhất nhằm giáo dục các kĩ năng này cho HS KTTT. Thời gian qua, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng KNXH của HS KTTT lớp 1 học hòa nhập. Bài viết này trình bày tóm lược kết quả của quá trình nghiên cứu và đây sẽ là kênh thông tin hữu ích để các giáo viên dạy hòa nhập HS KTTT có thêm những cơ sở khoa học cho hoạt động giáo dục của mình.

2. Nội dung và phương pháp đánh giá KNXH của HS KTTT lứa tuổi tiểu học

2.1. Các KNXH của HS KTTT lứa tuổi tiểu học.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng quan niệm về KNXH của tác giả Đặng Thành Hưng: “KNXH là khái niệm chỉ những loại kĩ năng hướng tới và được áp dụng trực tiếp vào những mối quan hệ, hoàn cảnh, quá trình và đời sống xã hội cộng đồng để giúp cá nhân nhận thức, ứng xử, giao tiếp và thích ứng xã hội thành công” [1; tr9-11]. Dựa trên các nghiên cứu của Nguyễn Công Khanh, Tạ Thị Ngọc Thanh... đồng thời có tính đến những đặc điểm đặc thù của HS KTTT (gồm: khả năng tư duy, ngôn ngữ, cách lí giải nguyên nhân và ý nghĩa của các tình huống, hiện tượng...), chúng tôi xác định 5 nhóm KNXH cần thiết cho quá trình thích ứng, hòa nhập và đem lại những thành công trên học đường ở lứa tuổi tiểu học của HS KTTT, gồm: - *Nhóm kĩ năng tìm kiếm sự trợ giúp*; - *Nhóm kĩ năng tuân thủ*; - *Nhóm kĩ năng kiểm soát hành vi*; - *Nhóm kĩ năng giao tiếp*; - *Nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề*.

2.2. Phương pháp đánh giá KNXH của HS KTTT lứa tuổi tiểu học.

Đánh giá kĩ năng nói chung và KNXH nói riêng là việc làm hết sức khó khăn. Thông thường, việc đánh giá được tiến hành bằng quan sát trực tiếp hành vi của người cần đánh giá kĩ năng; xác định số lượng và tần xuất thực hiện các thao tác đúng, thao tác thừa, thao tác lỗi trong quá trình thực hiện kĩ năng. Ưu điểm của cách đánh giá này là xác định khá chính xác cá nhân nào đó có một KNXH cụ thể hay chưa, và có ở mức độ nào. Tuy nhiên, hạn chế lớn

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

nhất của cách đánh giá này là tốn thời gian và công sức; trong một số trường hợp không thể tiến hành đánh giá được.

Gần đây, khi bàn tới vấn đề đánh giá “kĩ năng mềm”, năng lực hay thậm chí cả phẩm chất của một cá nhân, người ta thường quan tâm đến 3 khía cạnh cần đánh giá: - *Thái độ*; - *Niềm tin*; - *Hành vi*. Cách tiến hành đánh giá: người đánh giá thiết kế một bộ câu hỏi để kiểm soát được cả 3 khía cạnh trên của người được đánh giá. Các câu hỏi càng có độ bao phủ rộng, càng khách quan thì việc đánh giá càng chính xác. Ưu điểm của phương thức đánh giá này là dễ triển khai, vì việc đánh giá chỉ giống như tổ chức cho người được đánh giá thực hiện một bài trắc nghiệm thông thường; sau đó thu thập kết quả, xử lý kết quả và rút ra kết luận. Tuy nhiên, khó khăn lại chính là việc thiết kế bộ công cụ (bảng đánh giá) có chất lượng.

3. Kết quả đánh giá KNXH của HS KTTT lớp 1 học hòa nhập

Cách đánh giá mà chúng tôi tiếp cận ở đây để đánh giá thực trạng KNXH của HS KTTT lứa tuổi tiểu học là thiết kế bộ công cụ đánh giá KNXH của HS KTTT lứa tuổi tiểu học. Nội dung của bảng đánh giá gồm 5 nhóm KNXH được xác định là rất cần thiết để HS KTTT học hòa nhập trong trường tiểu học; mỗi nhóm KNXH gồm 6 tiểu kĩ năng. Ở mỗi tiểu kĩ năng đều được đánh giá ở 4 mức độ: - Không bao giờ; - Hiếm khi; - Thỉnh thoảng; - Thường xuyên.

Cách làm: Giáo viên nên hướng dẫn HS KTTT làm từng câu, khi HS làm xong câu này, giáo viên mới chuyển sang câu khác. Giáo viên thu phiếu khi HS đã làm xong và kiểm tra từng câu hỏi xem HS có làm thiếu hay làm không đúng yêu cầu thì đề nghị em đó sửa lại. Đối tượng đánh giá chúng tôi lựa chọn 50 HS KTTT lớp 1 đang học hòa nhập tại Hà Nội và Hà Giang (năm học 2014-2015). Kết thúc khảo sát đánh giá, chúng tôi thu được kết quả ở *bảng 1*.

Bảng 1. Kết quả đánh giá KNXH của HS KTTT lớp 1 hòa nhập

Nhóm KNXH	Các kĩ năng cụ thể	Không bao giờ		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Kĩ năng tìm kiếm sự trợ giúp	Khi không hiểu bài trên lớp, em nhờ giáo viên giúp đỡ	27	54	12	24	9	18	2	4
	Biết được khi nào mình cần sự trợ giúp từ người khác	36	72	8	16	5	10	1	2
	Biết bày tỏ nhu cầu cần trợ giúp phù hợp	17	34	11	22	15	30	7	14
	Em nhờ người lớn giúp đỡ, can thiệp khi bị trẻ khác đánh hoặc trêu	11	22	14	28	17	34	8	16
	Khi gặp khó khăn trong công việc tại gia đình, em nhờ người lớn trợ giúp	11	22	15	30	13	26	11	22
	Nhờ bạn bè xung quanh giúp đỡ khi gặp bài tập khó	6	14	27	54	8	16	9	18
Kĩ năng tuân thủ	Trước khi dùng đồ đạc của người khác, em xin phép	11	22	15	30	11	22	13	26
	Giữ trật tự, không gây ồn ào trong các giờ học	11	22	18	36	12	24	9	18
	Em giữ tay khi muốn phát biểu	10	20	12	24	11	22	17	34
	Em hoàn thành bài tập ở nhà đúng thời hạn	9	18	19	38	14	28	8	16
	Trong giờ học chú ý lắng nghe giáo viên giảng bài	11	22	16	32	19	38	4	8
Kĩ năng kiểm soát hành vi	Cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định	20	40	13	26	15	30	2	4
	Em tự thực hiện việc ăn, uống và đi vệ sinh	11	22	14	28	13	26	12	24
	Không giận dữ khi người khác nổi cáu với em	13	26	13	26	15	30	9	18
	Nghe bố mẹ trách mắng mà không giận dữ	15	30	11	22	18	36	6	12
	Bỏ qua khi các bạn trêu chọc, chê nhạo em	12	24	13	26	17	34	8	16
	Không trêu chọc, đánh bạn	14	28	20	40	14	28	2	4
Kĩ năng giao tiếp	Tránh, không làm những việc có thể gây cho người khác tức giận	15	30	17	34	15	30	3	6
	Lần đầu gặp ai đó em chủ động chào, không chờ phải nhắc mới chào	14	28	13	26	18	36	5	10
	Lắng nghe, khi người khác đang nói với em	13	26	19	38	16	32	2	4
	Chủ động trong các cuộc trò chuyện với người khác	26	52	15	30	8	16	1	2
	Em nói lời cảm ơn khi người khác làm giúp em một điều gì đó	8	16	21	42	13	26	8	16
	Biết sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ) trong các hoàn cảnh giao tiếp	28	56	14	28	8	16	0	0
Kĩ năng giải quyết vấn đề	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp	12	24	26	52	9	18	3	6
	Em nhận ra những khó khăn của mình	34	68	9	18	7	14	0	0
	Khi gặp khó khăn, em biết cách giải quyết khó khăn của mình	40	80	6	12	4	8	0	0
	Điều chỉnh hành vi của mình khi người khác không hài lòng	36	72	9	18	4	8	1	2
	Phản hồi lại các mệnh lệnh, yêu cầu của người khác	14	28	17	34	13	26	6	12
	Em tha lỗi cho bạn, khi bạn trêu chọc em	12	24	13	26	23	46	2	4
Kĩ năng giải quyết vấn đề	Khi em không nghĩ ra cách giải quyết vấn đề, em đứng lại để suy nghĩ	23	46	14	28	11	22	2	4

Kết quả ở *bảng* cho thấy: KNXH của nhóm HS KTTT lớp 1 tham gia học hòa nhập còn rất hạn chế và phát triển không đồng đều. Ở nhóm *kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp*: có đến 65% số HS KTTT tham gia đánh giá có kết quả là *hiếm khi* và *không bao giờ* thực hiện được các tiêu chí năng trong nhóm này. Ngoài ra, có trên 55% số HS KTTT lớp 1 được đánh giá còn ở mức độ *hiếm khi* và *không bao giờ* thực hiện được các kỹ năng nhỏ trong nhóm *kỹ năng tuân thủ*. Có 56% số HS KTTT lớp 1 được đánh giá *không thực hiện được* các kỹ năng trong nhóm *kỹ năng kiểm soát hành vi*.

HS KTTT bị hạn chế về ngôn ngữ và giao tiếp, điều này được thể hiện rất rõ trong kết quả đánh giá: có trên 70% số HS KTTT còn ở mức độ *hiếm khi* và *không bao giờ* thực hiện được các *kỹ năng giao tiếp*. Sự hạn chế về các KNXH của HS KTTT lớp 1 học hòa nhập thể hiện yếu kém hơn cả là ở nhóm *kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề*: chỉ có 4% số HS KTTT tham gia đánh giá có thể *thường xuyên thực hiện* được các kỹ năng này; có trên 76% số HS KTTT còn ở mức độ *hiếm khi* hoặc *không bao giờ* thực hiện được các kỹ năng nhỏ trong nhóm *kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề*.

Đánh giá KNXH của HS nói chung và HS KTTT nói riêng là việc làm rất khó. Ngày nay, việc đánh giá này được tiếp cận theo 3 hướng chính: - Đánh giá dựa vào quan sát trực tiếp hành vi của HS được đánh

giá; - Đánh giá dựa vào quan sát trực tiếp thái độ của HS; - Đánh giá gián tiếp qua khảo sát ý kiến của những người liên quan hoặc chuyên gia. Mỗi cách đánh giá có những ưu điểm và nhược điểm. Để hoạt động đánh giá mang tính khách quan và xác thực, người nghiên cứu cần phối hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau hay phối hợp giữa đánh giá trực tiếp và đánh giá gián tiếp qua đối tượng trung gian. Việc làm này đòi hỏi sự đầu tư công sức của những nhà nghiên cứu trong việc thiết kế các bộ công cụ đánh giá dành cho đối tượng liên quan, có độ bao phủ rộng và đảm bảo tính khoa học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Thành Hưng (2010). *Bản chất và đặc điểm của kỹ năng xã hội*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 100.
- [2] Nguyễn Văn Hưng (2015). *Kỹ năng xã hội của học sinh khuyết tật trí tuệ đầu cấp tiểu học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 112, tr 27-30.
- [3] Nguyễn Công Khanh (2006). *Sự phát triển xúc cảm, tình cảm và các kỹ năng xã hội ở học sinh trung học phổ thông*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 7, tr 33-34.
- [4] Tạ Thị Ngọc Thanh (2010). *Bàn về kỹ năng xã hội cho học sinh tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 238, tr 29-31.
- [5] Gresham - Elliott (1990). *Social behavior and skills in children*. Springer publishing.

Xác định hệ thống năng lực...

(Tiếp theo trang 27)

này qua học tập bộ môn, các em sẽ có NL tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác và có thêm điều kiện để hình thành NL thẩm mỹ...

Để hiểu rõ hơn những NL cần hình thành và phát triển cho HS trong DHLS ở trường phổ thông, chúng tôi đưa ra những biểu hiện của từng NL thông qua *bảng* (xem trang 27).

DH theo hướng phát triển NL nói chung, trong môn LS nói riêng là vấn đề mới, chưa có nhiều công trình nghiên cứu. Vì vậy, những NL mà chúng tôi đề xuất cần tiếp tục nghiên cứu, cả từ cách tiếp cận, những căn cứ để xác định đến các NL đặc thù của bộ môn. Việc xác định đúng hệ thống NL phù hợp với kiến thức bộ môn, phù hợp với đối tượng HS và thực trạng DHLS hiện nay sẽ là tiền đề để đề xuất các hình thức, phương pháp và biện pháp đổi mới phù hợp, hiệu quả, góp

phần nâng cao chất lượng DHLS ở trường phổ thông hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (1994). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [2] Hoàng Thị Tuyết (2013). *Phát triển chương trình đại học theo cách tiếp cận năng lực*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 9, tháng 3 + 4.
- [3] Lê Hải Yến (2016). *Nghĩ về các kỹ năng cần thiết nhất trong mục tiêu giáo dục*. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 5.
- [4] Bộ GD-ĐT (2015). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể trong Chương trình giáo dục phổ thông mới* (lưu hành nội bộ).
- [5] Dirk Schneckenberg - Johannes Wildt (2006). *J. The Challenge of a competence in academic staff development*. N - Y, CELT.
- [6] Phan Ngọc Liên - Trịnh Đình Tùng - Nguyễn Thị Côi (đồng chủ biên) (2009). *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1, 2. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Nguyễn Mạnh Hưởng - Nguyễn Văn Ninh (2016). *Bồi dưỡng năng lực thi trung học phổ thông quốc gia môn Lịch sử*. NXB Đại học Sư phạm.